

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

LƯU
NHÂN TÂM VIỆT (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 28 / 9 / 2017

GIÁM ĐỐC



Vũ Công Tuấn

M.S.C.N.

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014	11
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	12 - 47



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2014 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây gọi tắt là "**Tổng Công ty**") được chuyển đổi từ DNNN Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - Công ty con thành Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương.

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên (sau đây được viết tắt là "**Tổng công ty**") hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp; Mã số doanh nghiệp **3700146458**, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 08 tháng 07 năm 2014

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương

Vốn điều lệ : **1.639.000.000.000** Đồng

Vốn pháp định : **6.000.000.000** Đồng

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại, Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

Trụ sở chính

Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại : (84-650) 382 9535 – 382 9608

Fax : (84-650) 382 4112 – 382 9533

Website : www.thalexim.com

E-mail : thalexim@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : **3700146458**



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

* Các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc	Địa chỉ
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP. HCM
2. Chi nhánh Tổng công ty tại TP Long Xuyên	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
3. Chi nhánh Tổng công ty tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phù, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.
4. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
5. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
6. Kho Lương thực	TP Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Ban Quản lý KCN Sóng Thần I – Bình Dương	TX Dĩ An – Bình Dương
8. Hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu (18 cửa hàng)	Tỉnh Bình Dương
9. Nhà máy sản xuất Bê tông	Tỉnh Bình Dương
* Các Công ty con	
1. Công ty CP Sản xuất kinh doanh Thanh Lễ (sáp nhập với Công ty CP Bao Bì Thanh Lễ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700785510 ngày 08/07/2014)	
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	
3. Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	
5. Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	
6. Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương (nhận theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương)	

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Bình Dương và Công ty này cũng chưa đi vào hoạt động kinh doanh

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng thành viên

1. Ông Đoàn Minh Quang Chủ tịch Hội đồng thành viên
2. Ông Huỳnh Xuân Phương Thành viên
3. Ông Trần Đình Giáp Thành viên
4. Bà Phạm Thị Băng Trang Thành viên
5. Bà Phạm Thị Kim Thành Thành viên

Ban Kiểm soát

1. Bà Trần Thị Liên Trưởng ban
2. Bà Võ Ngọc Linh Ủy viên
3. Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Đoàn Minh Quang Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty
2. Ông Huỳnh Xuân Phương Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Trần Đình Giáp Phó Tổng Giám đốc
4. Bà Phạm Thị Kim Thành Phó Tổng Giám Đốc
5. Ông Đặng Văn Đoàn Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này, Công ty Nhân Tâm Việt bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - TNHH Một thành viên được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 08 đến trang 47.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2014 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2014 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2015

02038
CÓ
TRÁCH N
KIỂM
HÀNH
CHỈ
TẠI TP. H
0-T.F

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014
CỦA TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ
- TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề có ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Trong năm 2014, Tổng Công ty đã ghi tăng Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại Tổng Công ty từ việc tăng vốn của các Công ty con với số tiền là **31.828.810.402** Đồng. Chi tiết như sau:

- Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	29.472.410.981	(Thuyết minh 31.1)
- Bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương	2.356.399.421	(Thuyết minh 31.1)
Cộng	31.828.810.402	

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác", khi nhận được tiền lãi, cổ tức hay lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua sẽ ghi nhận doanh thu tài chính trong kỳ.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Trong năm, Tổng Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận, Tổng Công ty sẽ trình Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương phê duyệt bằng văn bản theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Do đó, số liệu phân phối lợi nhuận này có thể thay đổi khi có Quyết định chính thức của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phân phối lợi nhuận năm 2014 của Tổng Công ty.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt –

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh



Giám đốc - Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0486-2014-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2015

Kiểm toán viên - Đặng Quốc Việt

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số 0626-2014-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. Tài sản ngắn hạn		5.472.046.409.529	5.966.556.923.584
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.038.556.880.058	1.158.321.213.183
111	1 Tiền		688.556.880.058	165.321.213.183
112	2 Các khoản tương đương tiền		350.000.000.000	993.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	1.200.000.000.000	-
121	1 Đầu tư ngắn hạn		1.200.000.000.000	-
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.727.461.299.900	1.828.563.735.612
131	1 Phải thu khách hàng	V.3	1.243.723.608.808	1.505.259.827.174
132	2 Trả trước cho người bán	V.4	400.809.091.595	299.660.947.859
135	5 Các khoản phải thu khác	V.5	83.992.265.697	24.706.626.779
139	6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(1.063.666.200)	(1.063.666.200)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	1.433.512.869.874	2.873.515.630.382
141	1 Hàng tồn kho		1.433.512.869.874	2.873.515.630.382
149	2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		72.515.359.697	106.156.344.407
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8	4.241.012.748	1.359.207.232
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ	V.9	-	104.109.228.314
154	3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	61.414.327.735	469.325.458
158	5 Tài sản ngắn hạn khác	V.11	6.860.019.214	218.583.403
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.381.666.586.550	1.830.539.798.808
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.346.223.962.524	1.603.512.097.263
221	1 Tài sản cố định hữu hình	V.12	273.864.399.273	252.132.591.973
222	- Nguyên giá		662.322.647.642	611.152.002.381
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(388.458.248.369)	(359.019.410.408)
227	3 Tài sản cố định vô hình	V.13	300.541.480.314	306.991.130.005
228	- Nguyên giá		355.575.754.457	357.567.492.008
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.034.274.143)	(50.576.362.003)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	771.818.082.937	1.044.388.375.285
240	III. Bất động sản đầu tư	V.15	28.928.344.204	29.699.766.712
241	- Nguyên giá		34.202.843.429	34.202.843.429
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.274.499.225)	(4.503.076.717)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		985.748.273.020	95.211.538.185
251	1 Đầu tư vào công ty con	V.16	985.748.273.020	95.211.538.185
260	V. Tài sản dài hạn khác		20.766.006.802	102.116.396.648
261	1 Chi phí trả trước dài hạn	V.17	20.486.006.802	101.836.396.648
268	3 Tài sản dài hạn khác	V.18	280.000.000	280.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.853.712.996.079	7.797.096.722.392

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		6.185.157.042.366	7.043.607.261.720
310	I. Nợ ngắn hạn		5.279.626.223.487	6.679.439.748.073
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	V.19	2.982.263.366.397	3.516.436.704.355
312	2 Phải trả người bán	V.20	1.840.512.935.899	2.953.420.207.034
313	3 Người mua trả tiền trước	V.21	77.148.127.145	85.428.203.392
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.22	250.911.987.515	88.696.851.104
315	5 Phải trả người lao động	V.23	13.282.287.332	4.569.031.433
316	6 Chi phí phải trả	V.24	3.130.885.925	3.793.679.985
319	9 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	V.25	93.777.195.116	14.674.516.737
323	11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.26	18.599.438.158	12.420.554.033
330	II. Nợ dài hạn		905.530.818.879	364.167.513.647
333	3 Phải trả dài hạn khác	V.27	24.006.628.602	23.695.026.732
334	4 Vay và nợ dài hạn	V.28	267.000.000.000	-
338	8 Doanh thu chưa thực hiện	V.29	280.708.062.715	288.303.973.865
339	9 Quỹ bình ổn giá xăng dầu	V.30	333.816.127.562	52.168.513.050
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.668.555.953.713	753.489.460.672
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.668.555.953.713	753.489.460.672
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.31.1	1.639.000.000.000	725.161.432.076
416	6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	V.31.2	-	-
417	7 Quỹ đầu tư phát triển	V.31.3	29.555.953.713	21.122.400.668
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.31.4	-	7.205.627.928
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.853.712.996.079	7.797.096.722.392

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2	Vật tư, HH nhận giữ hộ, nhận gia công		14.073.999.230	20.958.628.550
5	Ngoại tệ các loại (USD)		1.541,45	56.563,40

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Huỳnh Thị Mỹ Chi Phạm Thị Băng Trang

Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2014

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.32	24.772.864.458.023	22.620.791.435.879
2	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.32	24.772.864.458.023	22.620.791.435.879
11	4 Giá vốn hàng bán	VI.33	24.424.158.489.781	22.207.996.886.679
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		348.705.968.242	412.794.549.200
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	VI.34	183.187.502.969	49.051.728.470
22	7 Chi phí tài chính	VI.35	152.358.822.888	144.233.208.156
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		126.752.088.452	117.328.808.305
24	8 Chi phí bán hàng	VI.36	278.504.459.170	241.408.255.668
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.37	39.342.533.966	37.618.341.101
30	10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		61.687.655.187	38.586.472.745
31	11 Thu nhập khác	VI.38	82.349.435.468	1.546.658.959
32	12 Chi phí khác	VI.39	30.461.828.134	624.043.540
40	13 Lợi nhuận khác		51.887.607.334	922.615.419
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		113.575.262.521	39.509.088.164
51	15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.40	9.693.993.909	14.953.940.638
52	16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		103.881.268.612	24.555.147.526

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Huỳnh Thị Mỹ Chi

Phạm Thị Băng Trang



Đoàn Minh Quang

Huỳnh Thị Mỹ Chi

Phạm Thị Băng Trang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

NĂM 2014

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		27.990.542.935.967	24.739.833.428.619
2	2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		(22.149.677.482.956)	(21.393.944.101.449)
3	3 Tiền chi trả cho người lao động		(50.457.366.131)	(42.161.768.344)
4	4 Tiền chi trả lãi vay		(189.538.949.882)	(162.822.582.075)
5	5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.203.307.459)	(19.362.311.160)
6	6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		438.307.420.684	488.614.363.648
7	7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.543.775.115.815)	(3.718.899.204.353)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.477.198.134.408	(108.742.175.114)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(195.661.705.736)	(179.933.755.650)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.953.372.158.789)	(4.774.410.535.603)
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.753.372.158.789	4.774.410.535.603
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		91.374.751.493	40.060.389.471
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.304.286.954.243)	(139.873.366.179)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		17.047.838.177.195	14.671.464.374.678
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(17.337.839.437.787)	(13.812.997.995.407)
36	6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.675.609.426)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(292.676.870.018)	858.466.379.271
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(119.765.689.853)	609.850.837.978
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	1.158.321.213.183	548.472.126.337
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.356.728	(1.751.132)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.038.556.880.058	1.158.321.213.183

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Khánh Hà Phạm Thị Băng Trang

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2015



Tổng Giám đốc

Đoàn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2014 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ TNHH Một thành viên (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Loại hình doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV thuộc sở hữu nhà nước

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh Xăng dầu; Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu Xăng dầu.
- Mua bán phân bón, vật tư nông nghiệp (thuốc trừ sâu), hóa chất cơ bản, sản phẩm hóa chất, bao bì; Mua bán vật liệu xây dựng; mua bán thiết bị phụ tùng, sản phẩm điện, điện tử và hàng tiêu dùng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, sơn mài, gỗ chạm, gốm sứ; thủy tinh, thảm len, sản phẩm da, giả da, cao su, hàng gỗ gia dụng, hàng thủ công mỹ nghệ khác; Mua bán phương tiện vận tải, thiết bị cơ khí dân dụng, thiết bị vật tư ngành in; Mua bán nông, lâm sản chế biến: hạt điều, ca phê, tiêu, đậu, cao su, lương thực, thực phẩm; Mua bán dược liệu; hàng may mặc, dệt, nhuộm;
- Tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình dân dụng, công cộng, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; Thi công các công trình công cộng, giao thông; Thi công hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, nhà ở công nhân. Đầu tư kinh doanh khai thác chợ, siêu thị, trung tâm Thương mại, khu dịch vụ vui chơi giải trí;
- Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, phòng họp, tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống giải khát;
- Kinh doanh kho ngoại quan; Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí;
- Sản xuất gia công giày dép các loại; Sản xuất gia công các sản phẩm may mặc;



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2014

- Sản xuất chế biến hàng nông, lâm, hải sản;
- Sản xuất bao bì; in ấn bao bì;
- Gia công chế biến Xăng dầu;
- Đầu tư, thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, Tổng công ty liên kết.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán nông sản, vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh phục vụ ăn uống giải khát.

Tổng số người lao động của Tổng công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 619 người.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính; Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Tổng Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Nguyên tắc ghi nhận của các chỉ tiêu Báo cáo tài chính

Các chỉ tiêu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày dựa trên cơ sở Chế độ tài chính kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (CMKT) có liên quan.

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu Thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu Thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

4. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên

4.1. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50 năm
- Máy móc và thiết bị	03 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 – 08 năm

4.2. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị và doanh nghiệp có khả năng kiểm soát đối với lợi ích trong tương lai (có nguồn gốc từ quyền pháp lý). Nguyên giá TSCĐ vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất (QSDĐ), được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất là 22 – 50 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của BĐSĐT là 45 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh mà thời gian hữu dụng của nó kéo dài trong nhiều kỳ kế toán và được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh. Phương pháp phân bổ theo Đường thẳng với thời gian hữu dụng ước tính.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tổng Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo tỷ lệ 2% quỹ lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm xã hội, trong đó 1% do Công ty đóng, được hạch toán vào chi phí kinh doanh, 1% còn lại do người lao động đóng.

12. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tỷ giá quy đổi

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng Thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế toán là tỷ giá mua vào của ngân hàng Thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng Thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2014: 21.380 VND/USD

Xử lý chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ cuối niên độ kế



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong niên độ kế toán. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận/cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối niên độ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của Tổng Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa sang người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia**

Doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- a. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- b. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày ở thuyết minh số VIII – **Thuyết minh Báo cáo tài chính.**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt	1.670.727.877	2.320.095.000
- Tiền gửi ngân hàng	686.882.238.181	163.001.118.183
- Tiền đang chuyển	3.914.000	-
- Các khoản tương đương tiền	350.000.000.000	993.000.000.000
Tổng cộng	1.038.556.880.058	1.158.321.213.183
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.200.000.000.000	-
Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng.		
3. Phải thu khách hàng		
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	-	58.670.125.400
- Công ty TNHH Hải Linh	653.915.944.147	954.467.298.915
- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	219.238.912.763	40.764.768.000
- Công ty TNHH TM DV TH Hòa Khánh	47.133.412.832	10.698.837.475
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	35.523.381.680	1.070.956.120
- Công ty TNHH Huy Hồng	22.609.433.283	25.012.759.083
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phan Tuấn	22.254.012.249	25.807.624.000
- DNTN Trạm Xăng dầu Phước Thành	16.508.925.702	19.111.159.602
- DNTN Trạm Xăng dầu Nghĩa Thắng 2	15.425.831.943	15.680.763.153
- DNTN Trạm Xăng dầu Nghĩa Thắng	14.976.954.552	14.995.994.539
- Công ty TNHH Bất động sản Thảo Điền	9.843.308.700	11.822.695.500
- Ông Đoàn Văn Sang	8.663.448.566	8.663.448.566
- Công ty TNHH Xăng dầu Huy Hoàng	7.509.466.840	7.958.604.216
- DNTN Huy Dũng	6.969.126.406	9.156.964.260



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- BQL DA Đầu tư Xây dựng Tỉnh Bình Dương	2.361.993.300	202.361.993.300
- Công ty TNHH Thương mại Hồ Bửu	5.174.985.200	17.826.095.500
- Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	30.365.677.041	-
- Công ty CP Nhà Rông	22.341.300.300	-
- Các khách hàng khác	102.907.493.304	81.189.739.545
Tổng cộng	1.243.723.608.808	1.505.259.827.174

4. Trả trước cho người bán

- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	44.227.724.619	-
- Nguyễn Minh Can - Đỗ Thị Nữ	7.546.323.359	-
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị	7.327.512.000	-
- Huỳnh Thị Loan	4.200.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Giao Thông 61	3.576.272.192	-
- BQL Khu Kinh tế Tỉnh Bình Phước	3.514.997.126	-
- Trần Thị Thu Vân	3.076.003.984	-
- Trần Thị Út	5.000.000.000	-
- Vương Ngọc Tuyết	6.500.000.000	-
- Cục Hậu cần Quân Khu 7	31.154.000.000	26.006.000.000
- Lư Kỳ Tuyết	30.000.000.000	30.000.000.000
- Nguyễn Mạnh Hùng	26.121.578.600	26.121.578.600
- Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
- Đỗ Thị Thu	19.283.183.250	19.283.183.250
- Nguyễn Vũ Hữu Minh	12.301.090.000	12.301.090.000
- Công ty CP XD Trang trí Nội thất Thành Phú	11.492.570.769	8.646.822.750
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
- Ngô Hoàng Á	9.488.050.000	9.488.050.000
- Trần Minh Huệ - Nguyễn Thị Ngọc Tiên	7.600.720.000	7.600.720.000
- Quách Ngọc Anh	7.547.792.460	7.547.792.460
- Trần Hiếu	7.077.342.000	7.077.342.000



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- Nguyễn Văn Thanh	7.009.100.000	7.009.100.000
- Nguyễn Văn Điền - Phạm Thị Xuân	5.963.520.000	5.963.520.000
- Trần Ngọc Cường	5.931.000.000	5.931.000.000
- Trần Văn Lợi	5.555.874.000	5.555.874.000
- Nguyễn Thị Huệ	5.534.090.000	5.379.650.000
- Lê Thị Nưa	5.128.114.800	5.128.114.800
- Trần Ngọc Nữ	4.736.850.000	4.736.850.000
- Nguyễn Thị Hương	4.657.320.000	4.657.320.000
- Ngô Thị Hai - Trần Thị Phụng	3.255.109.000	3.255.109.000
- Nguyễn Văn Hợp	4.621.056.000	4.621.056.000
- Nguyễn Văn Hoàng	4.373.988.000	4.373.988.000
- Nguyễn Trung Nhân - Nguyễn Thị Thúy An	3.776.288.000	3.776.288.000
- Huỳnh Văn Sang	2.944.896.800	2.944.896.800
- Các đối tượng khác	55.588.324.636	47.557.202.199
Tổng cộng	400.809.091.595	299.660.947.859

5. Các khoản phải thu khác

- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	-	286.433.208
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bình Dương	-	13.689.639.009
- Lãi tiền gửi ngân hàng	-	3.599.541.666
- Công ty CP Bao bì Thanh Lễ	-	805.000.000
- Daewoo International Corporation	974.897.582	2.213.346.179
- Công ty Bảo Việt Bình Dương	909.240.421	1.168.833.520
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	2.400.000.000	2.310.693.594
- Chi Cục TCĐL Chất Lượng-Trạm Lường Bồn-Kho XD Chánh Mỹ	183.677.923	183.677.923
- Công ty CP Sản xuất kinh doanh Thanh Lễ	383.650.000	317.493.678
- Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp BD	4.337.936.510	-
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị BD	14.718.679.937	-



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- Công ty TNHH MTV Vật liệu & Xây dựng Bình Dương	50.670.000.292	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN TP.HCM	4.304.166.667	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Bình Dương	3.188.888.889	-
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt CN Bình Dương	947.222.223	-
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - CN Bình Dương	722.222.222	-
- Các khoản phải thu khác	251.683.031	131.968.002
Tổng cộng	83.992.265.697	24.706.626.779
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		
- Công ty TNHH Phúc Gia Khang	(540.000.000)	(540.000.000)
- Công ty TNHH Norco Tiles	(523.666.200)	(523.666.200)
Tổng cộng	(1.063.666.200)	(1.063.666.200)
7. Hàng tồn kho		
- Hàng mua đang đi đường	105.921.022.284	232.228.493.446
- Nguyên liệu, vật liệu	5.323.384.586	4.746.014.017
- Công cụ, dụng cụ	1.502.622.615	2.210.186.762
- Chi phí SX, KD dở dang	425.541.137.228	-
- Hàng hoá	895.224.703.161	2.299.110.034.232
- Hàng gửi đi bán	-	335.220.901.925
Cộng hàng tồn kho	1.433.512.869.874	2.873.515.630.382

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV
 Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
 Năm 2014

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
- Chi phí kinh doanh xăng dầu (BH, vận chuyển, mở LC)	-	92.787.174.718	89.706.256.098	3.080.918.620
- Công cụ dụng cụ	625.593.486	1.789.279.098	1.747.254.543	667.618.041
- Chi phí khác	733.613.746	1.122.901.523	1.364.039.182	492.476.087
Cộng	1.359.207.232	95.699.355.339	92.817.549.823	4.241.012.748

9. Thuế GTGT được khấu trừ 0 104.109.228.314

Số đầu năm là khoản thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ.

10. Thuế và các khoản phải thu của nhà nước

Là số thuế và các khoản đã nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước hoặc số thuế đã nộp được xét miễn giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện

- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	16.666.602.869	-
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	12.554.839.798	1.810
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	32.192.885.068	469.323.648
Cộng	61.414.327.735	469.325.458

11. Tài sản ngắn hạn khác

- Tài sản thiếu chờ xử lý	921.664.269	-
- Tạm ứng	5.938.354.945	218.583.403
Cộng	6.860.019.214	218.583.403



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

12. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm		482.691.136.130	47.065.765.743	69.571.933.126	3.843.552.758	7.979.614.624	611.152.002.381
Mua trong năm		858.235.028	1.658.640.182	5.074.429.090	68.640.000	55.020.000	7.714.964.300
Đầu tư XDCB hoàn thành		37.465.918.075	995.568.599	1.131.893.976	3.014.473.474		42.607.854.124
Tăng khác		1.851.737.548	458.181.822	58.400.000	-	-	2.368.319.370
Thanh lý, nhượng bán		-	(38.000.000)	-	-	-	(38.000.000)
Giảm khác		(1.026.587.440)	-	(455.905.093)	-	-	(1.482.492.533)
Số cuối năm		521.840.439.341	50.140.156.346	75.380.751.099	6.926.666.232	8.034.634.624	662.322.647.642
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm		280.626.159.930	34.874.278.010	32.718.853.975	2.909.670.513	7.890.447.980	359.019.410.408
Khấu hao trong năm		20.820.210.195	2.881.862.703	5.264.839.033	535.001.732	38.377.644	29.540.291.307
Thanh lý, nhượng bán		-	(34.826.001)	-	-	-	(34.826.001)
Giảm khác		(44.679.421)	-	(21.947.924)	-	-	(66.627.345)
Số cuối năm		301.401.690.704	37.721.314.712	37.961.745.084	3.444.672.245	7.928.825.624	388.458.248.369
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm		202.064.976.200	12.191.487.733	36.853.079.151	933.882.245	89.166.644	252.132.591.973
Tại ngày cuối năm		220.438.748.637	12.418.841.634	37.419.006.015	3.481.993.987	105.809.000	273.864.399.273

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Tại ngày đầu năm

240.885.779.989

Tại ngày cuối năm

248.836.374.673

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

13. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	357.567.492.008	4.371.898.813	(6.363.636.364)	355.575.754.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	50.576.362.003	4.664.525.230	(206.613.090)	55.034.274.143
- Giá trị còn lại	306.991.130.005			300.541.480.314

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài hoặc có thời hạn sử dụng theo từng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó giá trị quyền sử dụng đất lâu dài (Nguyên giá) tại ngày cuối năm là 172.024.908.982 Đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của các công trình:

Công trình	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Khu Công Nghiệp Bình Đường	-	530.638.567	530.638.567	-
- Công trình Kho Nhót	-	4.391.841.782	43.636.364	4.348.205.418
- Công trình Phụ	3.724.561.391	2.259.787.536	5.735.683.749	248.665.178
- Dự án công viên mở rộng	25.539.645.816	11.234.964.429	36.386.195.212	388.415.033
- Hệ thống các Cửa hàng Xăng dầu	220.554.858	2.349.967.891	1.954.337.848	616.184.901
- Dự án Khu kho cảng, xăng dầu, dân cư và tái định cư (An Sơn, Chánh Mỹ, Nhà Bè)	928.048.080.633	196.094.716.109	395.679.743.003	728.463.053.739
- Khu Công nghiệp Sóng Thần 1	254.545.455	1.872.250.455	431.486.819	1.695.309.091
- Dự án chung cư, Cao ốc Bình Dương	72.447.482.590	3.094.635.876	75.542.118.466	0
- Công trình Mỏ Đá	3.537.873.205	15.884.050.300	54.485.093	19.367.438.412
- Công trình Nhà hàng Tiệc Cưới	10.615.631.337	6.075.179.828	-	16.690.811.165
Tổng cộng	1.044.388.375.285	243.788.032.773	516.358.325.121	771.818.082.937

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

15. Bất động sản đầu tư

Là giá trị quyền sử dụng đất tại Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên trong thời gian 45 năm.

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
- Nguyên giá	34.202.843.429	-	-	34.202.843.429
- Giá trị hao mòn lũy kế	4.503.076.717	771.422.508	-	5.274.499.225
- Giá trị còn lại	29.699.766.712			28.928.344.204

16. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các Công ty con như sau:

- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	812.826.705.098	-
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	76.922.029.737	-
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	38.314.539.787	38.314.539.787
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ	7.673.000.000	5.100.000.000
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	26.011.998.398	26.011.998.398
- Công ty CP Bao bì Thanh Lễ	-	1.785.000.000
Tổng cộng	985.748.273.020	95.211.538.185

Tỷ lệ vốn đầu tư (tỷ lệ lợi ích) của Tổng Công ty vào các Công ty con tại ngày 31/12/2014 như sau:

	Vốn của Tổng Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80%
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (1)	38.314.539.787	50.020.539.787	75%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương (2)	26.011.998.398	26.011.998.398	100%
- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (3)	812.826.705.098	830.000.000.000	100%
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương (4)	76.922.029.737	78.144.000.000	100%
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ (5)	7.673.000.000	13.500.000.000	57%
Cộng	985.748.273.020		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- (1) Vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương tại thời điểm ngày 31/12/2014 đã được đăng ký trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương thay đổi lần 5 ngày 6 tháng 8 năm 2014 là 50.020.539.787 đồng
- (2) Vốn đầu tư của Tổng Công ty được trình bày là vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương bàn giao cho Tổng Công ty.
- (3) Khoản vốn đầu tư của chủ sở hữu theo quyết định số 2062/QĐ-UBND ngày 27/08/2013 của Chủ tịch UBND Tỉnh Bình Dương là 788.319.231.619, thực tế ghi nhận trên Biên bản bàn giao Công ty là: 783.354.294.117 đồng, chênh lệch: 4.964.937.502 đồng. Vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đăng lý trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 03 tháng 01 năm 2014 là 830.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương đã bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu từ quỹ đầu tư phát triển năm 2014 với số tiền là **29.472.410.981** đồng.
- (4) Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Bình Dương được sáp nhập vào Tổng Công ty theo Quyết định số 4293/QĐ-UBND ngày 24/12/2014 của UBND Tỉnh Bình Dương. Trong năm, Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương đã bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu từ quỹ đầu tư phát triển năm 2014 với số tiền là **2.356.399.421** đồng.
- (5) Công ty CP Bao bì Thanh Lễ đã sáp nhập vào Công ty CP SXKD Thanh Lễ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Công ty SXKD Thanh Lễ số 01/QĐ-SXKDTL ngày 15/01/2014, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700785510 ngày 08/07/2014.

17. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
- Công cụ dụng cụ, chi phí khác	504.336.818	2.445.676.044	1.303.052.625	1.646.960.237
- Chi phí chuyển nhượng một phần QSDĐ KCN Nam Tân Uyên (Công ty C.A) [a]	4.575.410.193	-	-	4.575.410.193
- Chi phí chuyển nhượng một phần QSDĐ KCN Nam Tân Uyên (Công ty Nam Thái Dương, theo hợp đồng số 396) [b]	11.599.841.695	-	11.599.841.695	-
- Chi phí chuyển nhượng một phần QSDĐ KCN Nam Tân Uyên (Công ty Đông Hưng) [c]	68.693.171.574	-	68.693.171.574	-
- Tiền thuê đất trả trước (Công ty Du lịch Công đoàn Bình Dương)	4.363.636.364	-	-	4.363.636.364
- Tiền thuê kho xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018	12.100.000.004	-	2.199.999.996	9.900.000.008
Cộng	101.836.396.648	2.445.676.044	83.796.065.890	20.486.006.802

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- [a] Chi phí của phần diện tích đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH Xây dựng C.A theo hợp đồng thuê ngày 21/07/2010. Theo điều khoản hợp đồng, Tổng Công ty sẽ chuyển nhượng quyền thuê đất của 13.388,3 m² đất tại Lô O, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, thời hạn thuê đất đến ngày 24/10/2054. Chi phí chuyển nhượng này sẽ được phân bổ theo tiến độ thanh toán quy định tại điều 2 của hợp đồng (từ năm 2009 đến 2014).
- [b] Chi phí của phần diện tích đã chuyển nhượng cho Công ty CP Nicotex Nam Thái Dương theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê gắn liền với tài sản số 396/HĐCN ngày 20/10/2013. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 25.886 m² đất tại Lô O, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, thời hạn thuê đất đến ngày 24/10/2054. Chi phí chuyển nhượng này sẽ được phân bổ theo tiến độ thanh toán quy định tại điều 2 của hợp đồng (năm 2013 đã thu được 7% giá trị hợp đồng). Trong năm 2014 đã hoàn tất việc chuyển nhượng nên Tổng Công ty đã phân bổ hết chi phí chuyển nhượng vào kết quả kinh doanh.
- [c] Chi phí của phần diện tích đã chuyển nhượng cho Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê lại gắn liền với tài sản ngày 22/10/2013. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của 80.655,10 m² đất tại Lô E và 78.170,20 m² đất tại lô A, Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, thời hạn thuê đất đến ngày 24/10/2054. Chi phí chuyển nhượng này sẽ được phân bổ theo tiến độ thanh toán quy định tại điều 2 của hợp đồng (năm 2013 đã thu được 10% giá trị hợp đồng). Trong năm 2014 đã hoàn tất việc chuyển nhượng nên Tổng Công ty đã phân bổ hết chi phí chuyển nhượng vào kết quả kinh doanh.

18. Ký quỹ, ký cược dài hạn	280.000.000	280.000.000
-----------------------------	-------------	-------------

Khoản tiền đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu ở Tân Uyên.

19. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Tình hình nợ vay trong năm:

- Vay ngắn hạn	2.812.263.366.397	3.516.436.704.355
- Nợ dài hạn đến hạn trả	170.000.000.000	-
Tổng cộng	2.982.263.366.397	3.516.436.704.355

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

19.1 Vay ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn phát sinh trong năm:

Đối tượng	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Số cuối năm
a. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	1.367.456.520.599	4.620.075.186.598	5.102.060.983.744	885.470.723.453
b. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	963.710.587.794	5.251.145.583.894	5.200.059.860.550	1.014.796.311.138
c. Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	243.547.556.985	1.488.086.086.389	1.555.659.566.974	175.974.076.400
d. Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)	121.481.224.295	559.077.349.091	559.420.269.039	121.138.304.347
e. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	123.094.658.676	295.511.442.093	418.606.100.769	-
f. Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Bình Dương	357.910.885.985	218.606.709.139	576.517.595.124	-
g. Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	-	213.492.731.155	-	213.492.731.555
h. Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	209.568.527.341	936.324.227.983	944.501.535.420	201.391.219.904
i. Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	-	133.723.166.169	133.723.166.169	-
j. Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	125.549.924.671	1.167.735.505.076	1.293.285.429.747	-
k. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank)	-	54.665.231.154	54.665.231.154	-
l. Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	333.980.753.328	333.980.753.328	-
m. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	365.052.105.892	165.052.105.892	200.000.000.000
n. Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	-
o. Vay các cá nhân	4.116.818.009	1.023.589.695	5.140.407.704	-
Cộng	3.516.436.704.355	16.638.499.667.656	17.342.673.005.614	2.812.263.366.397

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- a. Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số **028B14** ngày 27 tháng 5 năm 2014 và theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số **01/028B14** ngày 21 tháng 7 năm 2014, Hợp đồng tín dụng hạn mức số **029B14** ngày 27/5/2014, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số **01/029B14** ngày 21 tháng 7 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng hạn mức số **02/029B14** ngày 25 tháng 8 năm 2014

- Hạn mức vay : **2.000.000.000.000 Đồng**. hạn mức này bao gồm cả dư nợ cho vay của Hợp đồng tín dụng từng lần số 050A13 ngày 21/10/2013, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 019B14 ngày 11/02/2014 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 028B14 ngày 27/5/2014
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến ngày 31/3/2015
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng ngắn hạn cụ thể.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu (Thanh toán các chi phí mua xăng dầu trong nước và nhập khẩu)
- Lãi suất : Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh (xăng dầu các loại) trị giá 1.100.000.000.000 đồng, trong đó giá trị tồn kho xăng dầu tại Tổng kho Chánh Mỹ - Bình Dương tối thiểu là 800.000.000.000 đồng. Các thỏa thuận chi tiết về tài sản, quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số **059TC10** ngày 04/3/2010 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số **059TC10** ngày 04/3/2010 số **06/059TC10** ngày 27/5/2014 và các hợp đồng đảm bảo khác (nếu có) được ký giữa Bên cho vay và Bên vay kèm theo.

- b. Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số **14280080/2014-HĐTDHM/NHCT640-CÔNG TY THANH LỄ** ngày 03/9/2014

- Hạn mức vay : **2.300.000.000.000 Đồng** hoặc ngoại tệ tương đương, bao gồm cả các khoản nợ, số dư L/C đã phát hành theo HĐTD số 13280085/2013-HĐTDHM/NHCT640-CTYTHANHLE ngày 5/8/2013
- Thời hạn cấp hạn mức : Đến ngày 31/8/2015
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng ngắn hạn cụ thể nhưng tối đa không quá 05 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- c. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 1800-LAV-2013-01213 ngày 09/10/2013, Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2013-01213 (lần 1) ngày 13/3/2014 và Biên bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2013-01213 (lần 2) ngày 14/5/2014*
- Hạn mức vay : **900.000.000.000 Đồng** hoặc ngoại tệ tương đương
 - Thời hạn vay : theo từng lần nhận nợ, không quá 3 tháng
 - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
 - Lãi suất : Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- d. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN TP Hồ Chí Minh theo Thư đề nghị cung cấp các tiện ích ngày 15/10/2012, Bản sửa đổi thứ nhất Thư đề nghị cung cấp các tiện ích ngày 20/06/2013 và Bản sửa đổi thứ hai Thư đề nghị cung cấp các tiện ích ngày 18/7/2014*
- Hạn mức vay : **USD 7,500,000.00**, vay bằng VNĐ hoặc USD
 - Thời hạn vay : 3 tháng kể từ ngày rút vốn đối với mỗi khoản vay
Bổ sung vốn lưu động kinh doanh
 - Mục đích vay : Thanh toán các Thư tín dụng chứng từ thương mại trả ngay và kỳ hạn
 - Lãi suất : tại từng thời điểm nhận nợ
- e. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thư đề nghị cung cấp các tiện ích chung ngày 03/05/2013*
- Hạn mức vay : **USD 7,900,000.00**, vay bằng VNĐ hoặc USD
 - Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ mua trong nước hoặc nhập khẩu xăng dầu
 - Lãi suất vay : tại từng thời điểm nhận nợ
- g. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 441.0209/2014/HĐTDHM-DN/PGB.SG ngày 24/11/2014*
- Hạn mức vay : **450.000.000.000 đồng** hoặc USD quy đổi tương đương
 - Thời hạn hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
 - Thời hạn vay : Theo từng kế ước nhận nợ nhưng không quá 03 tháng
 - Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh, phát hành các chứng thư bảo lãnh khác, mở và thanh toán L/C
 - Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng kế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

h. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 185.14.110.969666.TD ngày 18/7/2014*

- Hạn mức vay : **USD 10,000,000.00**, vay bằng VNĐ hoặc USD
- Thời hạn hạn mức : đến 30/06/2015
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 03 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân

i. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – CN Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 057-14/HĐHMTD-BD ngày 26/5/2014*

- Hạn mức vay : **400.000.000.000 đồng**
- Thời hạn hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng
- Thời hạn vay : Theo từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 04 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân

j. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN TP.HCM theo Hợp đồng tín dụng hạn mức ngắn hạn số 243/2014/HĐHM/CIB-HCM ngày 30/12/2014*

- Hạn mức vay : **600.000.000.000 đồng** hoặc USD quy đổi tương đương
- Thời hạn hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng
- Thời hạn vay : Theo từng lần giải ngân nhưng không quá 04 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân

k. *Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0126/2014/HĐTDHM-DN ngày 15/5/2014*

- Hạn mức vay : **250.000.000.000 đồng** hoặc USD quy đổi tương đương
- Thời hạn hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng
- Thời hạn vay : Được quy định theo từng khế ước nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

l. Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 18.7.14. HĐTD/TPBANK.BD ngày 27/8/2014

- Hạn mức vay : **15,000,000.00 USD**
- Thời hạn hạn mức : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 04 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu. Mở L/C trả ngay, trả chậm nhập khẩu phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu.
- Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân

m. Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2014/83406/HĐTD ngày 15/9/2014

- Hạn mức vay : **600.000.000.000 đồng**
- Thời hạn hạn mức : Kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng đến ngày 31/5/2015
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 04 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất vay : áp dụng cho từng khoản vay quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân
- Biện pháp bảo đảm : Cầm cố tài sản của bên vay theo Hợp đồng cầm cố 01/2014/83406/HĐBĐ ngày 15/09/2014 trị giá 200 tỷ đồng

n. Khoản vay tại Quỹ Đầu tư và Phát triển Bình Dương theo Hợp đồng vay ủy thác số 04/2014HĐUT ngày 25/02/2014

- Tổng mức vốn vay : **1.000.000.000.000 đồng**
- Thời hạn vay : Đến ngày 31/12/2014
- Mục đích vay : Dự trữ xăng dầu
- Lãi suất vay : 0,5%/tháng (6%/năm)
- Biện pháp bảo đảm :

19.2 Nợ dài hạn đến hạn trả 170.000.000.000 0

Khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2015 cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng số 101-14/HĐTD-BD ngày 16 tháng 7 năm 2014.

003
TY
HỮU H
ĐẢN
VII
NH
CH

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

20. Phải trả người bán

- Petro Summit PTE LTD	299.961.027.133	-
- Winson Oil Trading Pte Ltd	143.149.369.883	-
- Asia Pacific Petroleum Trading Pte Ltd	102.666.083.964	120.025.025.533
- Công ty TNHH MTV Lọc hóa Dầu Bình Sơn	1.279.168.909.987	1.554.598.199.424
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	3.248.535.722	4.110.312.592
- Công ty CP Âu Lạc	2.677.839.780	2.232.588.328
- Công ty CP Xăng dầu Sông Châu	1.311.810.750	23.650.000
- Công ty Xăng dầu Khu vực II - TNHH MTV	1.222.985.566	753.707.782
- Công ty CP SX Đá Granite Phú Minh Trọng	1.000.000.000	1.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	806.418.885	1.189.290.348
- Daewoo International Corporation	-	320.534.697.264
- Công ty TNHH Hải Linh	-	7.824.690.076
- Petrochina International (Singapore) Pte Ltd	-	344.553.176.117
- PS Oil Trading Pte Ltd	-	125.100.150.841
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	-	314.525.506
- Petrolimex Singapore PTE LTD	-	331.696.948.509
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	-	15.678.570.819
- Hangzhou Cogeneration (Hong Kong) Company Limited	-	47.447.318.063
- Samsung C&T Corporation	-	66.129.647.665
- Công ty CP Xây lắp và Vật tư Xây dựng 2	-	2.135.944.954
- Công ty CP Hương Thủy	-	1.000.000.000
- Các nhà cung cấp khác	5.299.954.229	7.071.763.213
Tổng cộng	1.840.512.935.899	2.953.420.207.034

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

21. Người mua trả tiền trước

- Khu công nghiệp Sóng Thần 1	-	1.176.935
- Khu công nghiệp Bình Dương	-	11.394
- Khu TM Dịch vụ Định Hòa	-	51.502.974.300
- Khu tái định cư An Sơn	-	25.468.360.000
- Khu tái định cư Chánh Mỹ	-	740.666.500
- Công nợ cát	8.700.660	-
- Công nợ CH Huế	4.783.816	-
- Công nợ công viên	2.014.650.000	413.000.000
- Khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ	10.700.000.000	5.378.988.895
- Công nợ Xăng dầu các cửa hàng	172.961.524	52.847.570
- Công nợ Xăng dầu Văn phòng công ty	64.247.031.145	1.808.942.718
- Công nợ khác	-	61.235.080
Tổng cộng	77.148.127.145	85.428.203.392

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế Giá trị gia tăng	70.512.818.617	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	6.444.627.088	14.953.940.638
- Thuế Thu nhập cá nhân	348.318.080	31.549.884
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	37.535.582
- Các loại thuế khác	60.957.222.590	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	112.649.001.140	73.673.825.000
Cộng	250.911.987.515	88.696.851.104

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế phải nộp: Khấu trừ

Thuế suất áp dụng:

- * 5% : Nước sinh hoạt;
- * 10% : xăng, dầu, nhớt các loại; dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho...

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế TNDN: 22%

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10%, áp dụng cho mặt hàng xăng A92 nhập khẩu.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

23. Phải trả người lao động	13.282.287.332	4.569.031.433
Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản còn phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.		
24. Chi phí phải trả	3.130.885.925	3.793.679.985
Chi phí lãi vay còn phải trả các ngân hàng và các cá nhân.		
25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
- Kinh phí công đoàn	326.723.468	446.135.683
- Công viên Văn hóa Thanh Lễ	75.300.000	-
- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. HCM (*)	93.324.527.325	-
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	50.644.323	-
- Trung tâm Phát triển Quỹ Đất Thị xã Thuận An (Ban bồi thường giải tỏa)	-	10.835.049.253
- Thu nộp thay thuế TNCN	-	378.633.176
- Thu nộp hộ khách hàng	-	2.930.592.000
- Thu ủng hộ đồng bào bị thiên tai	-	68.566.625
- Ban thi đua khen thưởng Tỉnh Bình Dương	-	15.540.000
Cộng	93.777.195.116	14.674.516.737

(*) Trị giá lô hàng Tổng Công ty mượn 7 triệu lít xăng Ron 92 của Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay mượn xăng dầu số 162/HDKT-DK-KD ngày 25/12/2014.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Quỹ khen thưởng	10.281.375.126	9.846.310.306
- Quỹ phúc lợi	6.855.175.287	1.572.604.732
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	1.462.887.745	1.001.638.995
Cộng	18.599.438.158	12.420.554.033

27. Phải trả dài hạn khác

24.006.628.602	23.695.026.732
-----------------------	-----------------------

Chủ yếu là các khoản tiền nhận ký quỹ của các khách hàng thuê đất, thuê kho bãi, văn phòng và nhà xưởng.

28. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn của các Ngân hàng sau:

Ngân hàng	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Chuyển sang nợ đến hạn trả	Số cuối năm
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương		- 340.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương		- 97.000.000.000		- 97.000.000.000
Cộng		- 437.000.000.000	170.000.000.000	267.000.000.000

a. Khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 101-14/HĐTD-BD ngày 16 tháng 7 năm 2014

- Số tiền vay : **340.000.000.000 Đồng**
- Mục đích vay : Bổ đắp chi phí đầu tư công trình Khu biệt thự vườn Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Thời hạn vay : 24 tháng kể từ ngày Bên vay bắt đầu nhận tiền vay
- Lãi suất : Lãi suất cho vay bằng (=) Lãi suất tiền gửi của hợp đồng tiền gửi làm tài sản đảm bảo cộng (+) Margin 2,2%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.
- Trả nợ gốc và lãi : Nợ gốc được chia là 02 kỳ (12 tháng tương đương 01 kỳ), mỗi kỳ trả số tiền 170 tỷ đồng vào cuối mỗi kỳ.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

- Tài sản đảm bảo: : Cầm cố toàn bộ khoản tiền theo một hoặc nhiều Hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của Bên vay tại Ngân hàng. Nếu thời hạn còn lại của Hợp đồng tiền gửi ngắn hơn của khoản vay, Bên vay cam kết tái tục Hợp đồng tiền gửi hoặc bổ sung tài sản khác hoặc thay đổi Hợp đồng tiền gửi mới để đảm bảo (Gốc + lãi) của Hợp đồng tiền gửi của Khách hàng tại Ngân hàng luôn lớn hơn hoặc bằng (Gốc + lãi) của khoản vay.

- Số dư nợ vay : 340.000.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay và nợ dài hạn : 170.000.000.000 Đồng

- Nợ vay đến hạn : 170.000.000.000 Đồng
trả trong năm 2015

b. Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 23 tháng 12 năm 2014, Chi tiết:

- Hạn mức vay : 300.000.000.000 Đồng

- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án

- Thời hạn vay : Tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

- Lãi suất : được xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn

- Số dư nợ vay : 97.000.000.000 Đồng

Trong đó

- Vay và nợ dài hạn : 97.000.000.000 Đồng

- Nợ vay đến hạn : 0 Đồng
trả trong năm 2015

29. Doanh thu chưa thực hiện

- Số đầu năm	288.303.973.865	296.446.680.869
- Tăng trong năm	60.817.096.145	26.793.231.668
- Doanh thu đã thực hiện trong năm	(68.413.007.295)	(34.935.938.672)
- Số cuối năm	<u>280.708.062.715</u>	<u>288.303.973.865</u>

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

31.3 Quỹ Đầu tư phát triển

- Số đầu năm	21.122.400.668
- Bổ sung từ lợi nhuận năm nay	32.523.386.134
- Chuyển sang tăng vốn chủ sở hữu	(24.089.833.089)
- Số cuối năm	<u>29.555.953.713</u>

31.4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (PP)

Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đã được Tổng Công ty tạm phân phối. Tổng Công ty sẽ trình Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương phê duyệt bằng văn bản theo quy định.

Lợi nhuận chưa PP năm trước	7.205.627.928
- Trích nộp lợi nhuận còn lại sau quyết toán năm 2013 về Ngân sách Nhà nước	(2.675.609.426)
Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	4.530.018.502
Lợi nhuận sau thuế năm nay	103.881.268.612
Phân phối lợi nhuận năm nay	(108.411.287.114)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	(32.523.386.134)
- Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	(14.469.429.640)
- Trích Quỹ Khen thưởng Ban Điều hành	(461.248.750)
- Lợi nhuận còn lại nộp Ngân sách Nhà nước	(60.957.222.590)
- Lợi nhuận năm nay chuyển năm sau	<u>(4.530.018.502)</u>
Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	-



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	24.262.026.666.696	22.431.652.950.300
- Doanh thu bán các thành phẩm	1.230.986.636	4.177.945.455
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.169.762.376	96.478.273.922
- Doanh thu kinh doanh BĐS	376.813.265.833	83.958.694.391
- Doanh thu bán hàng nội bộ	28.623.776.482	4.523.571.811
Cộng	24.772.864.458.023	22.620.791.435.879
33. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.219.383.165.637	22.157.836.332.864
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.151.275.634	3.916.255.436
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.948.482.206	22.141.480.063
- Chi phí kinh doanh BĐS	178.675.566.304	24.102.818.316
Cộng	24.424.158.489.781	22.207.996.886.679
34. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.214.170.871	45.979.020.476
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	82.954.180.695	3.072.707.994
- Lãi chênh lệch tỷ giá	19.151.403	-
Cộng	183.187.502.969	49.051.728.470
35. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi tiền vay	126.752.088.452	117.328.808.305
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	25.606.734.436	26.904.399.851
Cộng	152.358.822.888	144.233.208.156



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

36. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên	56.197.219.124	32.330.584.385
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.972.296.500	3.054.818.678
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.251.917.066	2.464.836.370
- Chi phí khấu hao TSCĐ	5.996.473.247	4.772.529.583
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.494.725.522	45.676.139.373
- Chi phí bằng tiền khác	124.591.827.711	153.109.347.279
Cộng	278.504.459.170	241.408.255.668

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	14.711.295.677	12.508.666.818
- Chi phí vật liệu quản lý	967.965.525	982.604.490
- Chi phí đồ dùng văn phòng	699.039.497	777.093.476
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.771.064.069	6.974.353.426
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.202.234.092	4.801.057.602
- Chi phí bằng tiền khác	11.990.935.106	11.574.565.289
Cộng	39.342.533.966	37.618.341.101

38. Thu nhập khác

- Thu tiền điện, nước khách thuê	271.401.460	134.466.705
- Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí bảo hiểm	1.474.293.981	937.471.337
- Hoa hồng hợp tác đầu tư cung cấp dịch vụ viễn Thông CNTT	192.847.068	184.244.945
- Thu nhập từ bán phế liệu	347.292.000	165.000.000
- Vật liệu thừa	363.041.368	-
- Phí dịch vụ chuyển hàng	1.699.317.345	-
- Tiền đất tái định cư	77.942.000.800	-
- Thu nhập khác	59.241.446	125.475.972
Cộng	82.349.435.468	1.546.658.959

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

39. Chi phí khác

- Chi phí khu tái định cư	27.416.909.618	-
- Phí dịch vụ chuyển hàng	1.699.317.345	-
- Chi phí khảo sát xây dựng khu Định Hòa	202.727.273	-
- Chi phí thanh lý vật tư tận dụng, thanh lý TSCĐ	3.173.999	75.669.128
- Phí tàu giã, phí lưu tàu	1.139.501.592	335.560.707
- Chi phí khác	198.307	212.813.705
Cộng	30.461.828.134	624.043.540

40. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	113.575.262.521	39.509.088.164
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	10.080.000	49.065.248
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(82.954.180.695)	(3.072.707.994)
Tổng thu nhập chịu thuế, trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế hoạt động SXKD	(13.432.446.850)	(23.330.317.132)
+ Thu nhập chịu thuế hoạt động chuyển nhượng Bất động sản	44.063.608.676	59.815.762.550
- Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	9.693.993.909	14.953.940.638

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

VII. THÔNG TIN CHO NHỮNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

Trong năm, Công ty đã bổ sung vốn chủ sở hữu từ các nguồn sau:

- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển	24.089.833.089	
- Giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương được bàn giao	783.354.294.117	(Xem thuyết minh 31)
- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	29.472.410.981	(Xem thuyết minh 31)
- Giá trị vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương được bàn giao	74.565.630.316	(Xem thuyết minh 31)
- Bổ sung từ Quỹ Đầu tư phát triển của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bình Dương	2.356.399.421	(Xem thuyết minh 31)
Cộng	913.838.567.924	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty con



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lê	Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương
Các giao dịch						
* Phải thu kinh doanh Xăng dầu						
- Số đầu năm	1.602.863.314	1.070.956.120	-	-	9.478.500	-
- Tăng trong năm	114.875.906.210	358.977.565.170	-	-	131.023.380	52.707.268.000
- Giảm trong năm	114.226.042.354	324.525.139.610	-	-	129.939.430	52.707.268.000
- Số cuối năm	2.252.727.170	35.523.381.680	-	-	10.562.450	-
* Phải thu lãi cổ tức						
- Số đầu năm	286.433.208	2.310.693.594	-	-	317.493.678	-
- Tăng trong năm	-	2.400.000.000	14.718.679.937	4.337.936.510	383.650.000	60.670.000.292
- Giảm trong năm	286.433.208	2.310.693.594	-	-	317.493.678	10.000.000.000
- Số cuối năm	-	2.400.000.000	14.718.679.937	4.337.936.510	383.650.000	50.670.000.292
* Nợ phải trả						
- Số đầu năm	4.110.312.592	15.678.570.819	-	-	-	-
- Tăng trong năm	115.150.223.857	416.328.655.206	-	-	-	91.218.183
- Giảm trong năm	116.012.000.727	476.234.950.644	-	-	-	91.218.183
- Số cuối năm	3.248.535.722	(44.227.724.619)	-	-	-	-



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TNHH MTV

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2014

2. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2014

Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư hướng dẫn thực hiện các văn bản luật có hiệu lực trong năm 2014 sau đây:

- ❖ Thông tư số **78/2014/TT-BTC** ngày 18 tháng 6 năm 2014: "Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 08 năm 2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014 trở đi.
- ❖ Thông tư số **119/2014/TT-BTC** ngày 28 tháng 8 năm 2014: "Sửa đổi, bổ sung một số điều để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế". Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

3. Thông tin khác

Thông tư số **200/2014/TT-BTC** ngày 22 tháng 12 năm 2014: "hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp". Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký (ngày 05/02/2015) và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015.

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Thị Mỹ Chi

Kế toán trưởng



Phạm Thị Băng Trang

Tổng Giám đốc



Đoàn Minh Quang